

# NHỮNG ĐẶC TRƯNG BIẾN ĐỔI TRONG TĂNG TRƯỞNG GDP VÀ TĂNG TRƯỞNG ĐẦU TƯ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2005 - 2013

**PHAN ANH TUẤN**

**Viện Nghiên cứu Kinh tế Giáo dục và Quản lý -  
Đại học Khoa học Kỹ thuật Bắc Kinh, Trung Quốc  
Email: fananhtuan@yahoo.com**

**Tóm tắt:** Những năm gần đây, kinh phí đầu tư giáo dục đại học Trung Quốc liên tục gia tăng, quy mô đào tạo không ngừng mở rộng. Giáo dục đại học Trung Quốc bước sang giai đoạn đại chúng hóa giáo dục và đang trong quá trình tiến tới phổ cập hóa. Dựa trên số liệu thống kê giai đoạn 2005 - 2013 của Cục Thống kê và Bộ Giáo dục Trung Quốc, tác giả phân tích những biến đổi trong tăng trưởng GDP và tăng trưởng đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc. Qua đó, rút ra những đặc trưng cơ bản có tính tương quan giữa biến đổi trong tăng trưởng GDP và biến đổi trong tăng trưởng đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc.

**Từ khóa:** Đặc trưng; biến đổi; tăng trưởng GDP; đầu tư giáo dục đại học.

(Nhận bài ngày 25/8/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 04/11/2016; Duyệt đăng ngày 27/12/2016).

## 1. Đặt vấn đề

Đầu tư phát triển giáo dục đại học là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược đào tạo đội ngũ nhân tài phục vụ quá trình tăng trưởng kinh tế Trung Quốc. Thực tế cho thấy, đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc đã có những cống hiến to lớn trong thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng năng suất lao động, giảm bớt chi phí sản xuất... tạo tiền đề để kinh tế Trung Quốc tăng trưởng bền vững cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế quốc tế. Những năm gần đây, kinh phí đầu tư giáo dục đại học Trung Quốc liên tục gia tăng, quy mô đào tạo không ngừng mở rộng. Giáo dục đại học Trung Quốc bước sang giai đoạn đại chúng hóa giáo dục và đang trong quá trình tiến tới phổ cập hóa. Tuy nhiên, trong quá trình biến đổi tăng trưởng kinh phí đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc xuất hiện những biến đổi không đồng nhất, xuất hiện những biến đổi vừa hợp lý vừa không hợp lý. Vấn đề này đương nhiên có quan hệ mật thiết với biến đổi trong tăng trưởng GDP. Chúng tôi dựa trên số liệu thống kê giai đoạn 2005 - 2013, tiến hành phân tích những biến đổi có tính tương hỗ giữa tăng trưởng GDP và tăng trưởng đầu tư giáo dục đại học Trung Quốc. Qua đó, rút ra một số đặc trưng cơ bản cũng như chỉ ra những nguyên nhân và tính hợp lý giữa biến đổi tăng trưởng GDP và tăng trưởng đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc.

## 2. Những đặc trưng trong biến đổi tăng trưởng GDP Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2013

Bước vào thế kỉ XXI, Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế dẫn tới GDP tăng trưởng cao. Tuy nhiên, do chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008 - 2010), quá trình phục hồi tăng trưởng kinh tế chậm (2011 - 2013) cũng như năng lực phát triển kinh tế không đồng đều giữa các khu vực kinh tế, giữa các tỉnh thành, giữa thành thị và nông thôn làm cho quá trình tăng trưởng GDP có nhiều điểm khác biệt tương ứng.

### 2.1. Tăng trưởng GDP và lạm phát

Giai đoạn 2005 - 2013, tăng trưởng GDP Trung Quốc duy trì ở mức cao, tuy nhiên biến đổi trong tăng trưởng GDP không đồng nhất qua các giai đoạn. Cụ thể tăng trưởng GDP Trung Quốc tăng cao ở giai đoạn 2005 - 2007, tăng nhấp nhô giai đoạn 2008 - 2010 và tăng trưởng có chiều hướng đi xuống giai đoạn 2011 - 2013.

Giai đoạn 2005 - 2013, tăng trưởng GDP Trung Quốc bình quân đạt 9,62%. Trong đó, tăng trưởng cao ở giai đoạn đầu kì (2005 - 2007). Đây là giai đoạn Trung Quốc đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, vì vậy tăng trưởng GDP luôn đạt hai con số (11,3% - 14,2%). Giai đoạn 2008 - 2010, tăng trưởng GDP Trung Quốc biểu hiện đi xuống so với giai đoạn 2005 - 2007 và tăng trưởng nhấp nhô hình sóng do tác động cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Mặc dù chịu ảnh hưởng không

Bảng 1: Hiệu suất tăng trưởng GDP và CPI Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2013

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Hiệu suất tăng trưởng GDP so với năm trước (%)	11,3	12,7	14,2	9,6	9,2	10,6	9,5	7,7	7,7
Chỉ số gia tăng CPI so với năm trước (%)	1,8	1,5	4,8	5,9	-0,7	3,3	5,4	2,6	2,6

(Nguồn: Cục Thống kê Trung Quốc)



nhỏ của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nhưng với chính sách tài chính và tiền tệ hợp lý, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc giai đoạn này vẫn đạt ở mức cao. Năm 2010 với mức tăng trưởng 10,6%, kinh tế Trung Quốc vượt Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sau Mỹ. Giai đoạn 2011 - 2013, tăng trưởng GDP Trung Quốc suy yếu và từng bước đi xuống do ảnh hưởng tiêu cực từ chính sách tiền tệ và chính sách tài chính trong giai đoạn 2008 - 2010. Tăng trưởng GDP giai đoạn này chỉ đạt mức 7,7% - 9,5%.

Tăng trưởng kinh tế tất yếu dẫn đến lạm phát gia tăng. Tuy nhiên chỉ số gia tăng lạm phát 2005 - 2013 duy trì ở mức thấp và thấp hơn so với hiệu suất tăng trưởng GDP (xem Bảng 1). Đặc biệt giai đoạn 2011 - 2013, chỉ có năm 2011 chỉ số gia tăng lạm phát trên 5%, hai năm còn lại duy trì mức dưới 3%. Điều này cho phép nền kinh tế Trung Quốc giai đoạn này vẫn đạt trạng thái tăng trưởng ảm và an toàn.

**2.2. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người**

Tăng trưởng GDP cao dẫn tới GDP bình quân đầu người cũng tăng nhanh qua các năm, chênh lệch GDP bình quân đầu người giữa các tỉnh thành ngày càng thu hẹp.

Năm 2013 GDP đầu người đạt 43320.1 nhân dân tệ, tăng 3,03 lần so với năm 2005, tăng 1,68 lần so với năm 2009. Phân theo tỉnh thành, năm 2005 các tỉnh thành có GDP bình quân đầu người cao nhất là Thượng Hải (52378 nhân dân tệ), Bắc Kinh (45652 nhân dân tệ), Thiên Tân (35791 nhân dân tệ), Triết Giang (28318 nhân dân tệ), Quảng Đông (26134 nhân dân tệ). Thấp nhất là các tỉnh Quảng Tây (8311 nhân dân tệ), An Huy (8292 nhân dân tệ), Vân Nam (7701 nhân dân tệ), Cam Túc (7232 nhân dân tệ), Quý Châu (4893 nhân dân tệ) (Xếp hạng GDP bình quân đầu người 31 tỉnh thành Trung Quốc 2005, Cục Thống kê Trung Quốc). Chênh lệch GDP bình quân đầu người cao nhất (Thượng Hải) và thấp nhất (Quý Châu) là 10,7 lần. Đến năm 2013 xếp hạng GDP bình quân đầu người không có nhiều thay đổi lớn. Thiên Tân (101688.85 nhân dân tệ), Bắc Kinh (94237.66 nhân dân tệ), Thượng Hải (90748.81 nhân dân tệ), Giang Tô (74699.37 nhân dân tệ), Triết Giang (68593.19 nhân dân tệ) là năm tỉnh dẫn đầu về GDP bình quân đầu người. Các tỉnh như An Huy (31795.09 nhân dân tệ), Quảng Tây (30709.10 nhân dân tệ), Tây Tạng (26038.96 nhân dân tệ), Vân Nam (25157.15 nhân dân tệ), Cam Túc (24668.15 nhân dân tệ), Quý Châu (22981.60 nhân dân tệ) vẫn là các tỉnh có GDP bình quân đầu người thấp nhất trong bảng xếp hạng GDP bình quân đầu người 31 tỉnh thành (xếp hạng GDP bình quân đầu người 31 tỉnh thành Trung Quốc 2013, Cục Thống kê Trung Quốc). Tuy nhiên chênh

lệch GDP đầu người cao nhất (Thiên Tân) và thấp nhất (Quý Châu) năm 2013 chỉ còn 4,42 lần.

**2.3. Tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người khu vực thành thị và nông thôn**

Giai đoạn 2005 - 2013, thu nhập bình quân đầu người khu vực thành thị và nông thôn tăng qua các năm. So với năm 2005, thu nhập bình quân đầu người khu vực thành thị năm 2013 tăng 2,56 lần, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 2,73 lần. Trong giai đoạn 2005 - 2013, bình quân mỗi năm thu nhập bình quân khu vực thành thị tăng 2058 nhân dân tệ, khu vực nông thôn tăng 705 nhân dân tệ. Đồng thời khoảng cách thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn chênh lệch hơn 3 lần.

Phân theo cấp độ tỉnh thành, thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn cũng có sự chênh lệch không giống nhau. Báo cáo thống kê của Cục Thống kê Trung Quốc cho thấy năm 2013 tỉnh Hắc Long Giang, Thiên Tân, Bắc Kinh, Thượng Hải và Cát Lâm có mức chênh lệch thu nhập bình quân đầu người thành thị và nông thôn thấp nhất (2,03 - 2,32), cao nhất vẫn là các tỉnh Vân Nam (3,78), Cam Túc (3,71), Thiểm Tây (3,51), Quảng Tây (3,43). Phân theo khu vực kinh tế, chênh lệch thu nhập bình quân đầu người thành thị và nông thôn cao nhất là khu vực Tây Bộ (3,3), kế đến là Trung Bộ (2,8), Đông Bộ (2,5).

Từ phân tích biến đổi trong tăng trưởng GDP Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2013 cho thấy biến đổi trong tăng trưởng GDP không đồng nhất qua các giai đoạn. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người có sự chênh lệch rõ nét giữa các tỉnh thành, giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các khu vực kinh tế. Tuy vậy, xét ở góc độ tổng thể, tăng trưởng GDP Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2013 duy trì mức cao và an toàn, trở thành điểm sáng trong nền kinh tế toàn cầu ở giai đoạn này.

**3. Những đặc trưng trong biến đổi trong tăng trưởng đầu tư giáo dục đại học Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2013**

Biến đổi trong tăng trưởng GDP đã tác động trực tiếp đến biến đổi trong tăng trưởng đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc. Qua nghiên cứu đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc dựa trên số liệu thống kê giai đoạn 2005 - 2013, chúng tôi đưa ra một số đặc trưng biến đổi cơ bản sau:

**3.1. Tổng kinh phí đầu tư liên tục gia tăng, quy mô trường học không ngừng mở rộng, giáo dục đại học Trung Quốc bước sang giai đoạn đại chúng hóa giáo dục đại học**

Do tốc độ tăng trưởng GDP cao và duy trì ở mức độ

*Bảng 2: GDP và GDP bình quân đầu người Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2013*

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Quy mô GDP (Tỉ NDT)	18589.6	21765.7	26801.9	31675.2	34562.9	40890.3	48412.4	53412.3	58801.8
GDP bình quân đầu người (NDT)	14258.9	16602.1	20337.1	23912.0	25692.6	30567.5	36017.6	39544.3	43320.1
Tăng trưởng GDP bình quân đầu người so với năm trước (%)	10,7	12,1	13,6	9,1	8,7	10,1	9,0	7,2	7,2

(Nguồn: Cục Thống kê Trung Quốc)

Bảng 3: Thu nhập bình quân đầu người thành thị và nông thôn Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2013

(Đơn vị: Nhân dân tệ)

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Thu nhập bình quân đầu người khu vực thành thị	10494	11760	13786	15781	17175	19019	21810	24565	26955
Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	3255	3587	4140	4761	5153	5919	6977	7019	8896
Tỉ lệ chênh lệch thu nhập bình quân đầu người thành thị và nông thôn	3,22	3,27	3,32	3,31	3,33	3,21	3,12	3,5	3,03

(Nguồn: Cục Thống kê Trung Quốc)

Bảng 4: Tổng kinh phí đầu tư giáo dục đại học Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2013

Năm	2005	2007	2009	2011	2013
Quy mô GDP (tỉ nhân dân tệ)	18589.6	26801.9	34562.9	48412.4	58801.8
Hiệu suất Tăng trưởng GDP so với năm trước (%)	11,3	14,2	9,2	9,5	7,7
Tổng kinh phí đầu tư (Tỉ nhân dân tệ)	265.79	376.23	478.28	702.09	774.26

(Nguồn: Cục Thống kê Trung Quốc)

Bảng 5: Quy mô đào tạo giáo dục đại học và hiệu suất nhập học đại học

Năm	2005	2007	2009	2011	2013
Quy mô trường đại học (trường)	2273	2321	2689	2762	2788
Số SV theo học tại các trường đại học (vạn SV)	2300	2700	2979	3167	3410
Hiệu suất nhập học đại học so với năm trước (%)	21	23	24,2	26,9	34,5

(Nguồn: Báo cáo Thống kê phát triển sự nghiệp Giáo dục Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2013, Bộ Giáo dục Trung Quốc)

an toàn, GDP đầu người gia tăng, quy mô gia tăng dần số chậm. Đồng thời, để thực hiện mục tiêu phát triển đội ngũ nhân tài phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Những năm gần đây, tổng kinh phí đầu tư phát triển giáo dục đại học đã tăng nhanh cùng với tăng trưởng kinh tế.

Từ thống kê kinh phí giáo dục đại học của Cục Thống kê cho thấy, năm 2013 tổng kinh phí đầu tư phát triển giáo dục đại học đạt 774.26 tỉ nhân dân tệ, tăng 2,9 lần so với năm 2005. Đặc biệt, năm 2007 với mức tăng trưởng GDP đạt 14,2%, tổng kinh phí đầu tư giáo dục đại học đạt 376.23 tỉ nhân dân tệ, tăng 41,6% so với năm 2005. Sau giai đoạn chịu tác động khủng hoảng tài chính, tăng trưởng kinh tế có chiều hướng đi xuống nhưng Trung Quốc vẫn tiếp tục đẩy mạnh tăng cường đầu tư phát triển giáo dục đại học. Cụ thể năm 2011, tổng kinh phí đầu tư đạt 702.09 tỉ nhân dân tệ, tăng 46,7% so với năm 2009. Tăng kinh phí đầu tư đã dẫn đến quy mô trường học, quy mô sinh viên (SV) và hiệu suất nhập học (Hiệu suất nhập học = Tỉ lệ SV 18 - 22 tuổi theo học tại các trường đại học/Tổng dân số trong độ tuổi 18 - 22) tăng nhanh qua các năm.

Giai đoạn 2005 - 2013, trong 9 năm, quy mô trường học đã tăng 1,2 lần, quy mô SV học tại các trường đại học tăng 1,48 lần. Đồng thời hiệu suất nhập học cũng tăng nhanh qua các năm. Năm 2013 với GDP bình quân đầu người đạt 43320 nhân dân tệ, hiệu suất nhập học đạt 34,5%. Sự gia tăng nhanh hiệu suất nhập học đầu thế kỉ XXI đánh dấu bước chuyển mang tính lịch sử trong giáo dục đại học Trung Quốc. Giáo dục đại học Trung Quốc

chuyển sang giai đoạn đại chúng hóa và đang trong tiến trình phổ cập hóa giáo dục đại học.

Như vậy, từ phân tích có thể thấy, sự gia tăng liên tục tổng kinh phí đầu tư đã giải quyết vấn đề cung cầu trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng tổng kinh phí đầu tư phát triển giáo dục đại học cao hơn tốc độ tăng trưởng quy mô đào tạo. Điều này cũng phản ánh một vấn đề tồn tại nổi bật trong giáo dục đại học Trung Quốc đó là kinh phí đầu tư vẫn còn thiếu và chưa tương xứng với mở rộng quy mô đào tạo.

### 3.2. Tăng trưởng kinh phí đầu tư giáo dục đại học giữa các tỉnh thành có sự khác biệt rõ nét

Tổng kinh phí đầu tư liên tục gia tăng là điều dễ nhận thấy. Tuy nhiên, chi phí đầu tư bình quân SV giữa các khu vực, giữa các tỉnh thành đối với SV có sự chênh lệch là điều không tránh khỏi.

Giai đoạn 2005 - 2011 chi phí đầu tư bình quân SV của 31 tỉnh thành đã tăng theo từng năm, nhưng do năng lực tài chính, cơ chế đầu tư giáo dục đại học, cơ chế cạnh tranh thị trường giáo dục tại các địa phương... phương hướng đầu tư giáo dục của Chính phủ tại các địa phương không giống nhau làm cho chi phí đầu tư bình quân SV giữa các khu vực, giữa các địa phương đối với giáo dục đại học cũng có sự khác biệt và chênh lệch rõ nét. Trong 7 năm từ 2005 - 2011 kinh phí đầu tư bình quân/1 SV cao nhất vẫn là Bắc Kinh và Tây Tạng, thấp nhất vẫn là các tỉnh còn khó khăn về kinh tế như Ninh Hạ, Nội Mông, Quý Châu, Hà Nam, Giang Tây. Giai đoạn 2005 - 2011, chênh lệch chi phí đầu tư bình quân/SV cao nhất và thấp nhất đã mở rộng từ 3,68 lần lên 5,01 lần.



*Bảng 6: Chi phí đầu tư bình quân SV giai đoạn 2005 - 2011*

(Đơn vị: Vạn nhân dân tệ/SV)

Năm	Toàn quốc	Đông Bộ	Trung Bộ	Tây Bộ	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất/ thấp nhất
2005	1.503	1.818	1.162	1.165	Tây Tạng	Ninh Hạ	4.5
					3.386	0.751	
2006	1.533	1.840	1.177	1.224	Bắc Kinh	Nội Mông	3.69
					3.145	0.853	
2007	1.632	1.948	1.231	1.307	Bắc Kinh	Quý Châu	3.68
					3.466	0.943	
2008	1.797	2.111	1.335	1.496	Bắc Kinh	Hà Nam	4.16
					4.205	1.011	
2009	1.865	2.125	1.409	1.644	Bắc Kinh	Hà Nam	3.9
					4.170	1.066	
2010	2.050	2.350	1.493	1.822	Bắc Kinh	Hà Nam	4.4
					5.007	1.138	
2011	2.475	2.744	1.837	2.264	Bắc Kinh	Giang Tây	5.01
					6.581	1.312	

(Nguồn: Thống kê kinh phí Giáo dục Trung Quốc giai đoạn 2005 - 2011, NXB Thống Kê Trung Quốc)

Sự khác biệt trong đầu tư của các tỉnh thành đối với giáo dục đại học dẫn tới vấn đề chất lượng đào tạo sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế tại các địa phương. Đặc biệt là những tỉnh thành kinh tế phát triển nóng, chênh lệch giàu nghèo, chênh lệch sức sản xuất, chênh lệch về trình độ tiến bộ khoa học công nghệ giữa thành thị và nông thôn ngày càng cao và điều này đòi hỏi chính quyền địa phương và trung ương cần phải có những chính sách mới và hợp lí trong điều chỉnh chi phí đầu tư giáo dục đại học nhằm rút ngắn khoảng cách chênh lệch đầu tư trong giáo dục đại học giữa các địa phương trong tỉnh cũng như giữa các tỉnh thành trong toàn quốc.

**3.3. Đầu tư từ học phí người học**

Tổng thu học phí đã tăng qua các năm nhưng biến đổi trong tổng thu học phí chiếm tỉ lệ tổng kinh phí đầu tư có chiều hướng giảm.

Tổng thu học phí năm 2011 đạt 186.23 tỉ nhân dân tệ, tăng 2,22 lần so với năm 2005. Tổng thu học phí chiếm tỉ lệ tổng kinh phí đầu tư ban đầu chiếm tỉ lệ cao (chiếm hơn 30% tổng kinh phí đầu tư), sau đó giảm xuống chỉ còn 26,52% vào năm 2011. Ở góc độ tiêu chuẩn thu học phí. Biến đổi trong tiêu chuẩn thu học phí giáo dục đại học Trung Quốc tương đối chậm. Cụ thể, năm học 2013 tiêu chuẩn thu học phí các trường đại học thuộc đề án 985 dao động từ 4500 nhân dân tệ đến 5300 nhân dân tệ, các trường đại học thuộc đề án 221 dao động từ 3850 nhân dân tệ đến 6000 nhân dân tệ, các trường đại học thuộc tỉnh dao động từ 3500 nhân dân tệ đến 5000 tệ. So với định mức tiêu chuẩn thu học phí bình quân tại các trường đại học năm 2005 là

5112 nhân dân tệ, có thể thấy tiêu chuẩn thu học phí đại học ít biến đổi trong giai đoạn 2005 - 2013.

Qua phân tích về vấn đề học phí có thể thấy, tổng thu học phí đã tăng nhanh qua các năm nhưng tiêu chuẩn thu học phí biến đổi chậm. Điều này phản ánh gia tăng tổng thu học phí chủ yếu xuất phát từ mở rộng quy mô đào tạo. Việc Chính phủ ít điều chỉnh giá thành đại học có thể tạo ra vấn đề bất công bằng trong đầu tư giáo dục đại học nhưng nó là điều kiện và tiền đề để các gia đình, đặc biệt các gia đình khó khăn có điều kiện đầu tư cho con cái vào học tại các trường đại học qua đó góp phần thực hiện mục tiêu đại chúng hóa và phổ cập hóa giáo dục đại học.

**3.4. Đầu tư và tài trợ từ lực lượng xã hội có hạn**

Kinh phí đầu tư của lực lượng xã hội đối với giáo dục đại học Trung Quốc tăng trưởng chậm và chiếm tỉ lệ vô cùng có hạn trong tổng kinh phí đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc. Cao nhất là năm 2005, chiếm 1,15% tổng kinh phí đầu tư, các năm còn lại chiếm không tới 1% tổng kinh phí đầu tư. Điều đó cho thấy, lợi ích trong đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc chưa thực sự thu hút xã hội tham gia đầu tư.

Tài trợ của lực lượng xã hội đối với đầu tư giáo dục đại học cũng có hạn. Giai đoạn 2005 - 2011, tài trợ của lực lượng xã hội đối với giáo dục đại học hàng năm chiếm

*Bảng 7: Tổng thu học phí giáo dục đại học Trung Quốc*

Năm	2005	2007	2009	2011
Số SV theo học tại các trường đại học (vạn SV)	2300	2700	2979	3167
Tổng kinh phí đầu tư (Tỉ nhân dân tệ)	265.79	376.23	478.28	702.09
Tổng thu học phí (Tỉ nhân dân tệ)	83.79	127.74	159.39	186.23
Tỉ lệ học phí chiếm tổng kinh phí đầu tư (%)	31,52%	33,95%	33,32	26,52%

(Nguồn: Cục Thống kê Trung Quốc)

không tới 1% tổng kinh phí đầu tư. Cao nhất là năm 2011, tổng tài trợ của lực lượng xã hội đạt 4.34 tỉ nhân dân tệ nhưng cũng chỉ chiếm không tới 0.62% tổng kinh phí đầu tư.

**4. Kết luận**

Qua phân tích những đặc trưng có tính tương quan giữa tăng trưởng GDP và tăng trưởng đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung Quốc giai đoạn 2005 -2013, có thể rút ra một số kết luận chủ yếu sau đây:

- Tổng kinh phí đầu tư giáo dục đại học đã tăng trưởng nhanh cùng với tăng trưởng GDP. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng kinh phí đầu tư đã cao hơn tốc độ mở rộng quy mô đào tạo. Điều đó phản ánh kinh phí đầu tư phát triển giáo dục đại học vẫn còn thiếu so với nhu cầu mở rộng cập hóa giáo dục đại học trong thời gian tới.

- Chênh lệch về GDP bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người giữa các tỉnh thành và các khu vực kinh tế phản ảnh năng lực phát triển kinh tế không đồng đều giữa các tỉnh thành và các khu vực kinh tế. Điều này đã tác động trực tiếp đến chi phí đầu tư bình quân SV giữa các tỉnh thành, giữa các khu vực kinh tế. Giai đoạn 2005 - 2013, mặc dù kinh phí đầu tư của các tỉnh thành và khu vực kinh tế đối với SV có tăng qua các năm nhưng bị mất cân đối rõ rệt.

- Tính có hạn trong đầu tư của lực lượng xã hội đối với giáo dục đại học cho thấy một trong những vấn đề tồn tại trong đầu tư phát triển giáo dục đại học tại trung Quốc: Giáo dục đại học Trung Quốc thực sự chưa thu hút các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư.

- Giá thành giáo dục đại học thông qua tiêu chuẩn thu học phí biến đổi tương đối chậm trong tăng trưởng nhanh của thu nhập bình quân đầu người là tiền đề để các gia đình tăng cường đầu tư vào giáo dục đại học, từng bước thực hiện lộ trình phổ cập hóa giáo dục đại học.

- Thông qua phân tích thống kê tổng nguồn vốn đầu tư, tỉ lệ đầu tư từ người học (học phí) và lực lượng xã hội cho thấy ngân sách đầu tư từ Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục đại học Trung

*Bảng 8: Đầu tư và tài trợ của lực lượng xã hội giai đoạn 2005 - 2011 (Đơn vị: tỉ nhân dân tệ)*

Năm	2005	2007	2009	2011
Tổng kinh phí đầu tư	265.79	376.23	478.28	702.09
Đầu tư từ lực lượng xã hội	3.08	3.19	3.31	3.33
Tài trợ của lực lượng xã hội	2.12	2.75	2.64	4.34
Tỉ lệ đầu tư lực lượng xã hội chiếm tổng kinh phí đầu tư (%)	1.15%	0.85	0.69	0.47
Tỉ lệ tài trợ lực lượng xã hội chiếm tổng kinh phí đầu tư (%)	0.80	0.73	0.55	0.62

*(Nguồn: Cục Thống kê Trung Quốc)*

Quốc với tỉ lệ hàng năm chiếm trên 50% tổng kinh phí đầu tư. Việc giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục đại học tại Trung Quốc sẽ giúp Chính phủ Trung Quốc điều tiết vĩ mô đầu tư phát triển giáo dục đại học theo mục tiêu, chiến lược đề ra. Tuy vậy, tăng trưởng kinh tế có chiều hướng đi xuống và khó dự báo trong thời gian tới, đồng thời để thực hiện mục tiêu chiến lược đến giữa thế kỉ XXI Trung Quốc trở thành cường quốc giáo dục đại học cả về quy mô lẫn chất lượng. Trung Quốc vẫn phải nhanh chóng ban hành các chính sách hợp lí và kịp thời để huy động thêm nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước, đặc biệt là từ lực lượng xã hội.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Cục Thống kê Trung Quốc, *Tăng trưởng GDP, GDP bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người 2005 - 2013*.  
 [2]. Cục Thống kê Trung Quốc, *Tổng kinh phí đầu tư giáo dục đại học 2005 - 2013*, www.stats.gov.cn.  
 [3]. Cục Thống kê Trung Quốc, *Tổng thu học phí, đầu tư lực lượng xã hội và tài trợ kinh phí của lực lượng xã hội đối với giáo dục đại học*, www.stats.gov.cn.  
 [4]. Bộ Giáo dục Trung Quốc, *Báo cáo thống kê phát triển sự nghiệp Giáo dục Trung Quốc 2005 - 2013*, www.moe.gov.cn.  
 [5]. *Thống kê chi phí Giáo dục Trung Quốc 2005 - 2011*, NXB Thống kê Trung Quốc.

**THE CHANGE FEATURES IN GDP GROWTH AND INVESTMENT IN DEVELOPING CHINESE HIGHER EDUCATION IN PERIOD 2005-2013**

**Phan Anh Tuan**  
*Institute of Education Economics Research and Management - University of Science and Technology Beijing, China*  
 Email: fananhtuan@yahoo.com

**Abstract:** *In recent years, funding investment into Chinese higher education has continued to increase with constantly expanding of training scale. Chinese higher education entered stage of mass education and on the way to universalize education. Basing on the statistics period 2005 – 2013 from the Bureau of Statistics and Ministry of Education of China, the author analyzed changes in GDP and investment growth in developing Chinese higher education. Thereby, the basic features were withdrawn in the correlation between changes in GDP and the growth of investment in developing Chinese higher education.*

**Keywords:** *Features; changes; GDP growth; investment in higher education.*